

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HS-ST

Ngày: 06-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Trúc Linh

2/ Ông Trần Văn Chiểu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Phước S, sinh ngày 14/9/1994, tại: huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B1 và bà Nguyễn Thị U (đã chết); anh chị em ruột có tất cả 02 người kể cả bị cáo; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Ôn cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Quốc B, sinh ngày 01/01/1991, tại: tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Hồ Thị Kim C; anh chị em ruột có tất cả 02 người kể cả bị cáo; vợ Trần Thị Bích V, sinh năm 1991 (không có đăng ký kết hôn); có con Trần Đặng Mai N, sinh năm 2020 và Đặng Quốc V, sinh năm 2023; tiền sự: Không; tiền án: Không (về nhân thân: Vào ngày

19/01/2017 bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành án phạt tù tại Trại giam An Phước, chấp hành xong về địa phương ngày 28/01/2018, hiện đã xóa án tích). Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Ôn cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phạm Văn B1**, sinh ngày 03/03/1963 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Nguyễn Tấn T**, sinh ngày 15/01/1993 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 11 giờ 30 phút, ngày 25/8/2024 lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy Công an huyện Trà Ôn tiến hành tuần tra đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã T (nay là thị trấn T), khi đến khu vực bến phà Anh T thuộc ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là Khóm M, thị trấn T) thì lực lượng Công an phát hiện Phạm Phước S, sinh ngày 14/9/1994, ngụ ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đang điều khiển xe mô tô biển số 64F1-445.94 có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng phương tiện để kiểm tra, lúc này S tự lấy ra từ trong túi quần phía trước bên phải đang mặt 01 bọc ny lon trong suốt được hàn kín hai đầu bên trong có chứa tinh thể màu trắng giao nộp cho Công an. S khai là 01 bọc ny lon này chứa ma túy nên lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ: 01 (một) bọc ny lon trong suốt hàn kín hai đầu bên trong có chứa tinh thể màu trắng (nghi là chất ma túy) được niêm phong; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu xanh có ốp lưng màu đen (đã qua sử dụng) được niêm phong và 01 (một) xe mô tô biển số 64F1-445.94 nhãn hiệu Honda Vario đã qua sử dụng.

Theo Kết luận giám định số 556/KL-KTHS, ngày 28/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long xác định: Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 (một) bọc ny lon, được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,0341 gam (Một phẩy không ba bốn một gam), loại Methamphetamine.

Qua điều tra xác định Đặng Quốc B, sinh năm 1991, nơi thường trú ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (là bạn của S), gọi điện thoại cho S, đưa tiền và kêu S đi qua bến phà Anh T gặp một người nam tên H mua ma túy đem về sử dụng chung.

Cụ thể là: Khoảng 09 giờ ngày 25/8/2024, B đi bộ từ nhà ở ấp M, xã L, huyện T đến nhà của bạn tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 15/01/1993, ngụ ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cách đó khoảng 200 mét để chơi. Do có nhu cầu sử dụng ma túy đá nên B sử dụng điện thoại di động mở ứng dụng facebook có nick tên “B” liên hệ với người nam tên H có nick facebook là “Huy Nguyen” qua ứng dụng Messenger đặt mua 750.000 đồng ma túy từ H thì H đồng ý bán và hẹn giao ma túy ở bến phà Anh T thuộc khóm M, thị trấn T, huyện Trà Ôn. Sau đó B sử dụng điện thoại di động có gắn sim số 0949.059.292 gọi cho S có số thuê bao là 0788.874.854 nhờ S đi đến khu vực bến phà Anh T để gặp H lấy ma túy dùm B thì S đồng ý. Do B chỉ còn 550.000 đồng nên B hỏi mượn T 200.000 đồng (B không nói mượn tiền để làm gì), do T không còn tiền mặt nên đề nghị chuyển khoản, B kêu T chuyển vào tài khoản của S (B cung cấp thông tin số tài khoản của S cho T). Khoảng 15 phút sau thì S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu đen biển số 64F1-445.94 đến trước nhà T, B đi ra đưa cho S số tiền 550.000 đồng, T chuyển khoản cho S 200.000 đồng. Sau đó S điều khiển xe qua bến phà Anh T để lấy ma túy cho B. Khi đến khu vực trên thì S gặp H để nhận ma túy (Chứa trong bịch ny lon trong suốt hàn kín), rồi S đưa tiền 550.000 đồng và chuyển khoản 200.000 đồng qua số tài khoản 0704.411.928 Ngân hàng BIDV cho H, S giấu trong túi quần phía trước bên phải để mang ma túy về cho B nhưng bị Công an kiểm tra bắt quả tang.

Ngày 28/8/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam đối với Phạm Phước S và Đặng Quốc B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- Mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định, có khối lượng 0,9420 gam và vỏ bao gói để trong phong bì niêm phong; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu xanh có ốp lưng màu đen. Hiện các vật chứng trên do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/12/2024.

- Không thu được 01 (một) điện thoại di động Samsung màu đen có gắn sim số 0949.059.292 của Đặng Quốc B do bị rút mất.

Về phân trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn B1 đã nhận lại xe nhãn hiệu Honda Vario, biển số 64F1-445.94 xong nên không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSTÔ ngày 06/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B về tội “tàng trữ

trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố các bị cáo là đúng hành vi của các bị cáo, không oan, các bị cáo khai nhận: Lúc 09 giờ 00 phút ngày 25/8/2024 Đặng Quốc B điện thoại và đưa số tiền 750.000 đồng nhờ Phạm Phước S đi mua ma túy dùm mục đích về cùng sử dụng chung, được S đồng ý. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo S đến khu vực bến phà Anh T thuộc ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm M, thị trấn T) mua một bạch ma túy có khối lượng 1,0341 gam, loại Methamphetamine với giá 750.000 đồng của người nam tên H, trên đường về thì bị Công an bắt quả tang cùng với tang vật. Các bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn B1 trình bày: Ông là cha ruột của bị cáo Phạm Phước S, vào ngày 25/8/2024 bị cáo S sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 64F1-445.94 đi mua ma túy ông không hay biết gì. Xe này trước đây do vợ của ông là bà Nguyễn Thị U đứng tên chủ sở hữu nhưng vào năm 2022 bà Út chết để lại cho quản lý sử dụng cho đến nay. Hiện tại ông đã nhận lại xe xong nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn trình bày luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B theo tội danh và Điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt các bị cáo cụ thể như sau:

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Phước S từ **01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng đến **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/8/2024.

Do bị cáo S không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo S.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Quốc B từ **02 (Hai)** năm đến **02 (Hai)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính

kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/8/2024.

Do bị cáo B không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo B.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định, có khối lượng 0,9420 gam và vỏ bao gói để trong phong bì niêm phong.

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) điện di động Iphone màu xanh có ốp lưng màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Phước S do đây là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Hiện các vật chứng, tài sản trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản sự việc cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Lúc 09 giờ 00 phút ngày 25/8/2024 Đặng Quốc B điện thoại và đưa tiền 750.000 đồng nhờ Phạm Phước S đi mua ma túy dùm mục đích về cùng sử dụng chung, được S đồng ý. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo S đến khu vực bến phà Anh T thuộc ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm M,

thị trấn T) mua một bịch ma túy có khối lượng 1,0341 gam loại Methamphetamine với giá 750.000 đồng của người nam tên H, trên đường về thì bị Công an bắt quả tang cùng với tang vật. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Cáo trạng số 02/CT-VKSTÔ ngày 06/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố các bị cáo và lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, chất hướng thần, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và hiểu rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nếu bị phát hiện sẽ bị pháp luật trừng trị; các bị cáo cũng ý thức được tác hại của ma túy nếu sử dụng ma túy sẽ lâm vào tình trạng ảo giác hoặc vô thức, là con đường dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Ngoài ra, trong tình hình hiện nay mặt dù các cấp, các ngành chính quyền ở địa phương không ngừng đấu tranh để trấn áp tội phạm ma túy, tuy nhiên loại tội phạm này vẫn có chiều hướng gia tăng, vì vậy hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh đúng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo đã gây ra, nhằm mục đích răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, khi thực hiện hành vi các bị cáo không có bàn bạc, thống nhất, phân công từ trước. Trong đó, bị cáo B nhờ bị cáo S đi mua dùm ma túy, bị cáo B biết ma túy là chất Nhà nước cấm mua bán, khi mua bán, tàng trữ, sử dụng là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo chỉ vì muốn sử dụng ma túy nên đã đưa tiền nhờ bị cáo S mua giúp nên giữ vai trò chính trong vụ án, do đó hình phạt dành cho bị cáo B phải nặng hơn bị cáo S. Đối với bị cáo S biết hành vi mua ma túy tàng trữ, sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn đồng ý lẽ ra khi được bị cáo B nhờ đi mua ma túy dùm bị cáo phải can ngăn bị cáo B ngược lại bị cáo lại đồng ý và trực tiếp đi mua giúp bị cáo B là hành vi đồng phạm với bị cáo B nên hình phạt dành cho bị cáo tuy nhẹ hơn bị cáo B nhưng cũng phải nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Phạm Phước S có bà là bà Nguyễn Thị T được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và bị cáo Đặng Quốc B có ông nội tên Đặng Văn N được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, ông ngoại tên Hồ Văn L được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thấy cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành người hữu dụng sau này và cho thấy chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Xét thấy hành vi của các bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, chất hướng thần, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự ở địa phương vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Do các bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo S, B.

[6] Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[7] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đối với xe mô tô biển số 64F1 – 445.94 nhãn hiệu Honda Vario do ông Phạm Văn B1 đang quản lý sở hữu (do bà Nguyễn Thị U chết), việc bị cáo Sang lấy xe mô tô nói trên đi mua ma túy thì ông B1 không biết nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn ra Quyết định trả lại cho ông B1 là có cơ sở nên chấp nhận.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định, có khối lượng 0,9420 gam và vỏ bao gói để trong phong bì niêm phong.

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) điện di động Iphone màu xanh có ốp lưng màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Phước S do đây là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Hiện các vật chứng, tài sản trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý.

[8] Về vấn đề khác:

[8.1] Đối với Nguyễn Tấn T có cho bị cáo Bảo mượn số tiền 200.000 đồng nhưng T không biết Bảo mượn số tiền trên để đi mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý đối với T là có cơ sở nên chấp nhận.

[8.2] Đối với người thanh niên tên H bán ma túy cho bị cáo S và B nhưng do S và B khai không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, còn số tài khoản 0704.411.928 Ngân hàng BIDV của H, qua rà soát Ngân hàng BIDV cung cấp tài khoản số 0704.411.928 không mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra không đủ cơ sở để xác minh xử lý là có cơ sở.

[8.3] Đối với ông Phạm Văn B1, sinh năm 1963, ngụ ấp A, xã L, huyện T Ôn, tỉnh Vĩnh Long (là cha của bị cáo Phạm Phước S và chồng của bà Nguyễn Thị U) là người đang quản lý sở hữu xe mô tô biển số 64F1-445.94 do bà Nguyễn Thị U đứng tên (do bà U đã chết), việc bị cáo S lấy xe mô tô nêu trên để đi mua ma túy thì ông B1 không biết nên không lý đối với ông B1 là có cơ sở.

[8.4] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen có găng sim số 0949.059.292 của bị cáo Đặng Quốc B do bị rút mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu được nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Phước S **01 (Một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/8/2024.

Do bị cáo S không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét miễn

hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo S.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Quốc B **01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/8/2024.

Do bị cáo B không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo B.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên:

Đối với xe mô tô biển số 64F1 – 445.94 nhãn hiệu Honda Vario do ông Phạm Văn B1 đang quản lý sở hữu (do bà Nguyễn Thị U chết), việc bị cáo S lấy xe mô tô nói trên đi mua ma túy thì ông B1 không biết nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn ra Quyết định trả lại cho ông B1 là có cơ sở nên chấp nhận.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định, có khối lượng 0,9420 gam và vỏ bao gói để trong phong bì niêm phong.

Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) điện di động Iphone màu xanh có ốp lưng màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Phạm Phước S do đây là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Hiện các vật chứng, tài sản trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang quản lý.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Phạm Phước S và Đặng Quốc B mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (01);
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long (01);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND huyện Trà Ôn (01);
- CCTHADS huyện Trà Ôn (01);
- Công an huyện Trà Ôn (02);
- Bị cáo (02);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Phương